TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI** **-----**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **89**/2023/DS-PT
Ngày: 11/5/2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Phượng

Các Thẩm phán: Bà Bùi Lan Hương

Ông Vũ Thế Phương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Liên – Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Ông Phùng Đức Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 100/2022/TLPT-DS ngày 13/10/2022 về việc *"*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 19/2022/DS-ST ngày 07 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 05/2023/QĐ-PT ngày 13/01/2023, quyết định hoãn phiên tòa số 205/2023/QĐ-PT ngày 12/4/2023, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Ngô Thị Thúy K, sinh năm: 1967. Địa chỉ: khu x, ấp Quảng Đ, xã Đông H, huyện Trảng B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của chị K:

+ Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1994. Địa chỉ: Tổ x, khu phố x, thị trấn Trảng B, huyện Trảng B, tỉnh Đồng Nai.

+ Anh Nguyễn Văn N, sinh năm: 1992. Địa chỉ: Ấp Quảng P, xã Quảng T1, huyện Trảng B, tỉnh Đồng Nai.

(theo văn bản ủy quyền có chứng thực của UBND xã Bắc S ngày xx/xx/2020)

- ***Bị đơn:*** Chị Nguyễn Thị Phương D, sinh năm 1983

Anh Đào Vinh Q, sinh năm 1979.

Cùng trú tại: ấp An B, xã Trung H1, huyện Trảng B, tỉnh Đồng Nai.

- ***Người kháng cáo:*** Bị đơn - Nguyễn Thị Phương D

(Anh N, chị D có mặt, chị T, anh Q vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

- Trong quá trình chuẩn bị xét xử đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn- chị Nguyễn Thị T trình bày:

Ngày 07/06/2019, chị Ngô Thị Thúy K có cho vợ chồng anh Đào Vinh Q và chị Nguyễn Thị Phương D vay số tiền là 1.260.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm sáu mươi triệu đồng) để làm vốn buôn bán và làm ăn, thời gian vay là một tháng tính từ ngày 07/6/2019 đến ngày 07/7/2019. Vợ chồng chị D, anh Q có làm Giấy mượn tiền và nhận nợ đề ngày 07/6/2019 có đầy đủ chữ ký của vợ chồng anh chị. Đến thời hạn trả nợ, chị K đã nhiều lần liên hệ yêu cầu vợ chồng chị D, anh Q trả số tiền vay nêu trên nhưng anh chị không trả tiền cho chị K. Do vậy, chị K đề nghị tòa án buộc anh Đào Vinh Q và chị Nguyễn Thị Phương D phải trả cho chị K số tiền nợ gốc là 1.260.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán tính từ tháng 7/7/2019 đến ngày 07/6/2022 (là 02 năm 11 tháng x 10%/năm) với số tiền là 367.500.000 đồng. Tổng số tiền chị K yêu cầu vợ chồng chị D, anh Q phải trả là 1.627.500.000 đồng.

- Trong quá trình chuẩn bị xét xử anh Hà Mạnh T1 là đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Hợp đồng ủy quyền đề ngày 04/3/2021; ngày 06/6/2022 anh T1 nộp cho Tòa án Thông báo V/v chấm dứt ủy quyền) và chị Nguyễn Thị Phương D là bị đơn trình bày:

Vợ chồng anh Vinh, chị D cư trú tại ấp An B, xã Trung H1, huyện Trảng B, có quen biết chị Ngô Thị Thúy K ở ấp Quảng Đ, xã Đông H do chị K là người chuyên cho vay tiền (bút lục 22). Chị K với chị D có quan hệ vay mượn từ năm 2014, mỗi lần vay số tiền từ 60 đến 200 triệu và đều có giấy viết nợ theo mẫu do phía chị K đưa cho chị D, lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày, thời gian đầu mượn từ 7 đến 10 ngày, các khoản công nợ đã trả dứt, không có nợ nần gì nhau. Từ năm 2015, giữa chị K và chị D tiếp tục phát sinh quan hệ vay mượn nhiều lần, số tiền mượn cụ thể bao nhiêu chị D không nhớ rõ, đến ngày 07/6/2017, chị K yêu cầu hai vợ chồng chị D ký giấy mượn tiền và nhận nợ với số tiền 1.260.000.000 đồng, đồng thời yêu cầu ghi một tờ tiền lãi với số tiền 1.785.000.000 đồng. Đến ngày 17/6/2019, chị K có yêu cầu vợ chồng chị D, anh Q ký thêm một tờ giấy vay tiền như nguyên đơn đã nộp cho Tòa. Tuy nhiên, nét chữ viết phía nguyên đơn có viết thêm về thời hạn vay và trả chứ chị D, anh Q không viết và đằng sau tờ giấy thì bị đơn là chị D có viết thêm dòng chữ "07/6/2019 làm lại giấy mới", điều này thể hiện không phải là khoản vay mới mà là nợ cũ gộp lại.

Phía bị đơn chỉ thừa nhận có vay số tiền 800.000.000 đồng tiền gốc của chị K từ năm năm 2015 đến ngày 07/6/2017, lãi thỏa thuận 5.000 đồng/1 triệu/1

ngày. Thực tế, chị D đã trả cho chị K tổng 290 triệu đồng tiền gốc từ năm 2017 đến ngày 08/9/2020, sau đó chị D không trả nữa. Số tiền 290 triệu này chị D trả bằng hình thức chơi dây góp hàng tuần, tổng số tiền chị D đã góp cho chị K là 250.000.000 đồng, ngoài ra còn có đưa cho anh Khôi (chồng chị K) 30.000.000 đồng, đưa cho Nguyên (con trai chị K) hai lần, mỗi lần 5.000.000 đồng (bút lục 32).

Tại Bản án sơ thẩm số 19/2022/DS-ST ngày 07 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Thúy K đối với chị Nguyễn Thị Phương D và anh Đào Vinh Q về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc chị Nguyễn Thị Phương D và anh Đào Vinh Q phải liên đới trả cho chị Ngô Thị Thúy K số tiền 1.627.500.000 đồng (một tỷ sáu trăm hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Trong đó, tiền nợ gốc 1.260.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi là 367.500.000 đồng (Ba trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Phần nghĩa vụ liên đới của chị Nguyễn Thị Phương D và anh Đào Vinh Q là bằng nhau.

Kể từ ngày chị Ngô Thị Thúy K có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Nguyễn Thị Phương D và anh Đào Vinh Q chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho chị K.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 07/7/2022, bị đơn chị Nguyễn Thị Phương D có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và đề nghị hủy bản án sơ thẩm do bỏ sót chứng cứ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án. Chị D cung cấp 01 bản chính Giấy mượn tiền và nhận nợ ngày 07/6/2007, ngoài ra không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì khác.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử và tại phiên tòa. Các đương sự tham gia phiên tòa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Bị đơn chị D cho rằng chỉ vay nợ 800.000.000 đồng, đã trả được 290.000.000 đồng. Thấy rằng đối với yêu cầu trả tiền gốc: nguyên đơn có nộp cho Tòa án bản chính "Giấy mượn tiền và nhận nợ" đề ngày 07/6/2019 với số tiền 1.260.000.000 đồng có chữ ký của vợ chồng chị D, anh Q. Đại diện theo ủy quyền của bị đơn có thừa nhận anh Q và chị D là vợ chồng (BL22); và tại biên bản đối chất ngày 09/4/2021 phía bị đơn thừa nhận chữ ký trong "Giấy mượn tiền

và nhận nợ" đề ngày 07/6/2019 là chữ ký của vợ chồng chị D, anh Q. Như vậy, có căn cứ để xác định số tiền vay nợ gốc của bị đơn là 1.260.000.000 đồng.

Theo bị đơn chị D trình bày tại cấp sơ thẩm và tại cấp phúc thẩm xác định, mặt sau tờ "Giấy mượn tiền và nhận nợ" có dòng chữ "07-6-2019 làm lại giấy mới", thể hiện đây không phải là khoản vay mới mà là nợ cũ gộp lại, thực tế chị D chỉ còn nợ chị K số tiền gốc 800.000.000 đồng và đã trả cho chị K được 290.000.000 đồng tiền gốc. Sự việc trên bị đơn không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh và nguyên đơn không thừa nhận.

Từ những phân tích trên cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn chị Nguyễn Thị Phương D và anh Đào Vinh Q phải trả tiền gốc và lãi là có căn cứ, đúng theo quy định pháp luật nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Nguyễn Thị Phương D, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị Phương D làm trong thời hạn và đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm. Nguyên đơn chị K có văn bản ủy quyền cho chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn N cùng làm đại diện. Xét việc ủy quyền hợp lệ và đúng thủ tục nên Tòa án chấp nhận.

[2] Về quan hệ pháp luật, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng và đầy đủ.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn chị D về tiền gốc còn nợ và tiền đã trả: Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, bị đơn tuy có nêu ý kiến rằng chị chỉ mượn chị K 800.000.000 đồng nhưng đã trả 290.000.000 đồng, tuy nhiên chị D không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị D một lần nữa khẳng định chị không có chứng cứ về việc tiền vay mượn là 800.000.000 đồng và đã trả 290.000.000 đồng.

[4] Tại đơn kháng cáo, chị D nộp kèm theo các bản photo Giấy mượn tiền, nhưng tại phiên tòa chị D khai chị không có bản chính của các giấy mượn tiền này do bản chính hiện đang được chị K giữ. Tuy nhiên, đại diện phía nguyên đơn không thừa nhận việc đang có bản chính của các giấy mượn tiền khác như ý kiến của chị D.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, chị D cung cấp 01 bản chính Giấy mượn tiền và nhận nợ ngày 07/6/2007, tuy nhiên bản chính Giấy mượn tiền này không có nội dung gì bác bỏ nội dung của Giấy mượn tiền ngày 07/6/2019. Phía nguyên đơn cũng không thừa nhận chứng cứ do chị D đưa ra có liên quan gì đến giấy mượn tiền ngày 07/6/2019. Phía chị D cũng thừa nhận Giấy mượn tiền ngày

07/6/2019 là có thật, là do chị viết và ký tên và chồng chị là anh Đào Vinh Q cùng ký tên.

[6] Từ những nhận định trên, thấy rằng yêu cầu kháng cáo của bị đơn chị D là không có căn cứ. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên chị D phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng.

[8] Đối với đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH/14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là chị Nguyễn Thị Phương D. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 19/2022/DS-ST ngày 07 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 229; Điều 238; Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Thúy K đối với chị Nguyễn Thị Phương D và anh Đào Vinh Q về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc chị Nguyễn Thị Phương D và anh Đào Vinh Q phải liên đới trả cho chị Ngô Thị Thúy K số tiền 1.627.500.000 đồng (một tỷ sáu trăm hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Trong đó, tiền nợ gốc 1.260.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi là 367.500.000 đồng (Ba trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Phần nghĩa vụ liên đới của chị Nguyễn Thị Phương D và anh Đào Vinh Q là bằng nhau.

Kể từ ngày chị Ngô Thị Thúy K có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Nguyễn Thị Phương D và anh Đào Vinh Q chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho chị K.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị Phương D và anh Đào Vinh Q phải nộp 60.825.000 đồng (Sáu mươi triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Ngô Thị Thúy K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho chị Ngô Thị Thúy K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 30.003.000 đồng (Ba mươi triệu không trăm lẻ ba nghìn đồng), theo biên lai thu số 0006241, ngày 14/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom.

Án phí dân sự phúc thẩm: Chị D phải chịu án phí là 300.000 đồng, trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị D đã nộp tại Biên lai số 0001429 ngày 12/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Chị D đã nộp xong án phí phúc thẩm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp huyện;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS cấp huyện;
- Đương sự trong vụ án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Võ Thị Thanh Phượng